

Bản án số: 17/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 21-5 -2020
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Ông Huỳnh Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 368/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST – HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PC, xã BP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** Chị Huỳnh Thị Chúc L, sinh năm: 1988 (vắng)

Địa chỉ: ấp PC, xã BP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T trình bày: anh và chị Huỳnh Thị Chúc L trên cơ sở quen biết và đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BP vào ngày 23 tháng 8 năm 2010.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự nhau cãi nhau gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không đạt kết quả dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được, đến tháng 9 năm 2019 vợ anh bỏ đi đến nay không về thăm con. Từ đó đến nay mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn

quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Chúc L.

Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thanh Q, sinh ngày 08/12/2010 và Huỳnh Quốc H, sinh ngày 01/02/2018 hiện do anh nuôi dưỡng, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 13 tháng 02 năm 2020 cháu Huỳnh Thanh Q, sinh ngày 08/12/2010 trình bày: Cháu là con chung của cha Huỳnh Thanh T và mẹ Huỳnh Thị Chúc L. Hiện nay cháu đang sống với cha T ở nhà cháu kể từ khi mẹ cháu bỏ nhà đi và cháu đang học lớp 4 tại trường tiểu học Bình Phước. Nay nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha là Huỳnh Thanh T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn chị Huỳnh Thị Chúc L biết về việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do anh T cung cấp. Nhưng chị L không có văn bản trả lời và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án không lý do.

Tại bản khai ý kiến ngày 11 tháng 3 năm 2020, ông Huỳnh Văn K trình bày: ông là cha vợ của nguyên đơn Huỳnh Thanh T và cha ruột của bị đơn Huỳnh Thị Chúc L, sinh năm 1988, địa chỉ: ấp PC, xã BP, huyện M.

Hiện tại con ông đã không còn sống chung với chồng là Huỳnh Thanh T và các con của T và Chúc L nữa mà đã bỏ nhà ra thuê nhà trọ sống khoảng ba bốn tháng nay, cụ thể ở đâu thì ông không rõ nhưng vẫn còn sinh sống trên địa bàn huyện Mang Thít. Mâu thuẫn vợ chồng như thế nào để con ông là Chúc L bỏ đi thì ông không biết, Chúc L đã bỏ chồng bỏ con nhiều lần rồi, hiện nay Chúc L đã chuyển hộ khẩu về bên chồng không còn chung hộ khẩu với ông. Khi con rể ông là Huỳnh Thanh T nộp đơn khởi kiện ra Tòa xin ly hôn với con gái ông thì ông có biết, ông không ý kiến gì do T và Chúc L tự quyết định, nhưng Chúc L đã bỏ chồng con đi nhiều lần nên ông thấy rằng hôn nhân giữa vợ chồng con ông không còn hạnh phúc, nếu con gái ông không về, ông mong Tòa án chấp nhận yêu cầu cho con rể ông là Huỳnh Thanh T được ly hôn với con gái ông là Huỳnh Thị Chúc L.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Huỳnh Thị Chúc L vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T có đơn đề ngày 27 tháng 3 năm 2020 yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Huỳnh Thị Chúc L đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Thanh T và chị Huỳnh Thị Chúc L kết hôn theo phong tục tập quán vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BP vào ngày 23 tháng 8 năm 2010 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Anh T cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự nhau cãi, được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không đạt kết quả dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được, đến tháng 9 năm 2019 vợ anh bỏ đi đến nay không về thăm con. Từ đó đến nay mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị Chúc L. Ông Huỳnh Văn K là cha ruột chị L cũng cho rằng vợ chồng anh T, chị L có mâu thuẫn, chị L đã bỏ nhà đi nhiều lần. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn là chị Huỳnh Thị Chúc L đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng chị L vắng mặt không có lo. Do đó Hội đồng xét xử xét yêu cầu ly hôn của anh T với chị L là có căn cứ là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Huỳnh Thanh Q, sinh ngày 08/12/2010 và Huỳnh Quốc H, sinh ngày 01/02/2018, hiện do anh T nuôi dưỡng, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn hai cháu Quốc và Huy sống với anh T, cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định, trong quá trình Tòa án giải quyết cháu Huỳnh Thanh Q, sinh năm 2010 cũng có nguyện vọng sống với cha là anh T. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T: tiếp tục giao hai cháu Huỳnh Thanh Q và Huỳnh Quốc H cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: anh T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh T.

1/Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Huỳnh Thanh T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Chúc L.

2/Về con chung: giao Huỳnh Thanh Q, sinh ngày 08/12/2010 và Huỳnh Quốc H, sinh ngày 01/02/2018 cho anh Huỳnh Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Do bên trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: anh Huỳnh Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0007374 ngày 30 tháng 12 năm 2019, anh T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT: 01;
- VKSND huyện M:01;
- THADS huyện M: 01;
- UBND xã BP (2010):01;
- Đương sự: 02;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Tám